

Số: /QĐ-ĐS

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về lập hồ sơ; phân tích sự cố, tai nạn và quá trình tổ chức cứu nạn, cứu hộ giao thông đường sắt

TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 973/QĐ-TTg ngày 25/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty mẹ - Tổng công ty Đường sắt Việt Nam thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Thông tư số 33/2025/TT-BXD ngày 14/11/2025 của Bộ Xây dựng ban hành Quy định về quản lý, khai thác vận tải đường sắt;

Căn cứ Thông tư số 34/2025/TT-BXD ngày 14/11/2025 của Bộ Xây dựng ban hành Quy định về quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt;

Căn cứ Quyết định số 459/QĐ-ĐS ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam ban hành Quy chế quản lý công tác an toàn giao thông đường sắt của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;

Căn cứ Giấy ủy quyền số 1355/UQ-ĐS ngày 19/4/2026 của Tổng Giám đốc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;

Xét đề nghị của Trưởng Ban An ninh - An toàn giao thông đường sắt.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về lập hồ sơ; phân tích sự cố, tai nạn và quá trình tổ chức cứu nạn, cứu hộ giao thông đường sắt” của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định 1012/QĐ-ĐS ngày 20/7/2018 của Tổng công ty ĐSVN “Quy định về lập hồ sơ, phân tích sự cố, tai nạn và tổ chức cứu nạn, cứu hộ giao thông đường sắt”.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng các Ban Tổng công ty Đường sắt Việt Nam; Thủ trưởng các đơn vị thuộc Tổng công ty và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Đảng ủy, HĐTV, KSV TCT (b/c);
- Ban điều hành TCT;
- Công đoàn ĐSVN, Đoàn TN TCT;
- Lưu: VT, ANAT (5).

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Trần Anh Tuấn

QUY ĐỊNH

Về lập hồ sơ; phân tích sự cố, tai nạn và quá trình tổ chức cứu nạn, cứu hộ giao thông đường sắt

(Ban hành kèm quyết định số /QĐ-ĐS ngày tháng 4 năm 2026 của Tổng giám đốc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này xác định trình tự, nội dung các bước thực hiện về lập hồ sơ; phân tích sự cố, tai nạn và quá trình tổ chức cứu nạn, cứu hộ giao thông đường sắt xảy ra trên mạng đường sắt quốc gia thuộc thẩm quyền quản lý của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam (Tổng công ty ĐSVN).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân: được giao nhiệm vụ lập hồ sơ, phân tích sự cố, tai nạn giao thông đường sắt; liên quan để xảy ra sự cố, tai nạn; thực hiện công tác tổ chức cứu nạn, cứu hộ giao thông đường sắt.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Sự cố giao thông đường sắt* là những vụ việc xảy ra trong hoạt động giao thông vận tải đường sắt gây trở ngại đến chạy tàu nhưng chưa xảy ra tai nạn giao thông đường sắt.

a) *Sự cố giao thông đường sắt có tính chất nghiêm trọng do nguyên nhân chủ quan* là các sự cố đe dọa, uy hiếp đến an toàn chạy tàu và có thể dẫn đến tai nạn giao thông đường sắt nghiêm trọng, bao gồm:

- Chê ghi (chưa trật bánh);
- Đứt móc nối đoàn tàu;
- Để tàu trôi dốc;
- Cấp cảnh báo sai;
- Gửi tàu vào khu gian không có chứng vật chạy tàu;
- Đón tàu vào đường không thanh thoát mà chưa được lệnh của cấp có thẩm quyền hoặc không áp dụng các biện pháp đảm bảo an toàn chạy tàu theo quy định;
- Lái tàu vượt mốc, vượt tín hiệu ngừng;
- Tàu thông qua ga có dừng tác nghiệp;

- Không đóng chắn hoặc đóng chắn không kịp thời hoặc không đóng chắn mà đã khai thông đường sắt (mở biển phòng vệ hoặc không mở tín hiệu ngăn đường sắt) dẫn đến nguy cơ gây tai nạn;

- Nôi phương tiện không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật vào đoàn tàu, tạo nguy cơ cao xảy ra tai nạn;

- Gãy ray không được phát hiện kịp thời (bởi đơn vị quản lý);

- Điều khiển đoàn tàu vượt tốc độ 05 km/h trở lên so với tốc độ cho phép của công lệnh tốc độ (trong trường hợp chưa xảy ra tai nạn);

- Thi công và bảo trì các công trình kết cấu hạ tầng đường sắt không đúng quy định, quy trình, gồm:

- + Thi công khi không có giấy phép hoặc không đúng nội dung ghi trong giấy phép;

- + Không bố trí hoặc bố trí không đúng, đủ tín hiệu phòng vệ tại địa điểm thi công, bảo trì đường sắt;

- + Để vật tư, thiết bị phục vụ thi công, bảo trì vi phạm khổ giới hạn tiếp giáp kiến trúc đường sắt;

- + Tự ý cho phương tiện thi công chạy trên đường sắt;

- + Bố trí nhân lực thi công, bảo trì đường sắt không đủ trình độ chuyên môn theo quy định, không đúng chức năng nhiệm vụ.

b) *Sự cố giao thông đường sắt thông thường* là những vụ sự cố xảy ra không thuộc sự cố mang tính chất nghiêm trọng.

2. *Tai nạn giao thông đường sắt* là việc phương tiện giao thông đường sắt xảy ra đâm nhau, trật bánh, đổ tàu; đâm, va vào người, phương tiện giao thông khác và ngược lại hoặc phương tiện giao thông đường sắt đang hoạt động đâm, va vào chướng ngại vật gây thiệt hại cho tính mạng, sức khỏe của con người hoặc gây thiệt hại về tài sản.

3. *Chi nhánh Tổng công ty Đường sắt* là các đơn vị trực thuộc Tổng công ty ĐSVN, bao gồm: các Chi nhánh Khai thác đường sắt và các Chi nhánh Xí nghiệp đầu máy.

4. *Trưởng Phân ban AN - ATGTĐS khu vực (Chủ tịch Hội đồng)* là người chủ trì thực hiện lập hồ sơ; tổ chức phân tích nguyên nhân sự cố có tính chất nghiêm trọng, tai nạn và quá trình tổ chức cứu nạn, cứu hộ giao thông đường sắt.

Điều 4. Nguyên tắc lập hồ sơ; phân tích sự cố, tai nạn giao thông đường sắt và quá trình tổ chức cứu nạn, cứu hộ

1. Tuân thủ Luật Đường sắt, các văn bản quy định về giải quyết tai nạn giao thông đường sắt của Bộ Xây dựng và các văn bản hiện hành của Tổng công ty ĐSVN.

2. Tất cả các sự cố, tai nạn đều phải được lập hồ sơ, phân tích xác định nguyên nhân, quy kết trách nhiệm. Quá trình lập hồ sơ, phân tích và kết luận phải đảm bảo kịp thời, khách quan, trung thực.

3. Chủ tịch Hội đồng chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc Tổng công ty ĐSVN về kết quả lập hồ sơ, phân tích.

4. Ban An ninh – An toàn GTĐS (AN - ATGTĐS) kiểm tra, giám sát Chủ tịch Hội đồng trong quá trình thực hiện lập hồ sơ, phân tích; chủ trì, phối hợp với các Ban chuyên môn Tổng công ty ĐSVN căn cứ hồ sơ của các đơn vị lập tại hiện trường, hằng tháng tổ chức phân tích nguyên nhân các vụ sự cố thông thường do chủ quan.

5. Các tổ chức, cá nhân liên quan đến vụ sự cố, tai nạn phải chấp hành sự phân công của Chủ tịch Hội đồng trong việc bảo vệ hiện trường, cung cấp thông tin, tài liệu, vật chứng và có trách nhiệm tham gia lập hồ sơ sự cố, tai nạn khi có yêu cầu.

6. Phạm vi hiện trường phục vụ công tác khám nghiệm phải được bảo vệ; chỉ được sửa chữa, khắc phục khi có sự đồng ý của Chủ tịch Hội đồng; nghiêm cấm các hành vi tự ý sửa chữa, làm sai lệch hiện trường; nếu vi phạm phải chịu hoàn toàn trách nhiệm.

7. Đối với những vụ tai nạn được thụ lý bởi các cơ quan chức năng, các đơn vị liên quan đến vụ tai nạn có trách nhiệm phối hợp thực hiện.

8. Trường hợp cần thiết phải lập hồ sơ bổ sung, Chủ tịch Hội đồng sẽ yêu cầu thành lập Hội đồng lập hồ sơ khám nghiệm bổ sung đối với các yếu tố liên quan đến vụ sự cố, tai nạn.

Điều 5. Tiêu chuẩn của người làm nhiệm vụ lập hồ sơ; phân tích sự cố, tai nạn và quá trình cứu nạn, cứu hộ giao thông đường sắt

1. Có nghiệp vụ chuyên môn theo các chuyên ngành đường sắt.
2. Có thời gian công tác trong ngành Đường sắt từ 05 năm trở lên.
3. Đã được đào tạo, tập huấn nghiệp vụ về công tác đảm bảo an toàn giao thông đường sắt.

Điều 6. Trang thiết bị, dụng cụ phục vụ lập hồ sơ sự cố, tai nạn giao thông đường sắt

1. Dụng cụ đo cơ khí chuyên dùng: thước đo đường kính ngoài, trong; bộ căn lá; thước lá; thước mét.
2. Dụng cụ chuyên dùng khám nghiệm phương tiện: thước gang cách bánh xe, thước đo gờ bánh, thước đo đường kính bánh xe, thước đo chiều cao đầu đấm, các thiết bị chuyên dùng khác...
3. Dụng cụ khám nghiệm đường: thước đo cự ly, thủy bình, dụng cụ đo phương hướng đường cong, thước đo khe hở ray, thước đo độ mòn ray, thước đo độ treo của tà vẹt, búa 4mm đo khe hở lưỡi ghi.
4. Cân kiểm tra tải trọng phương tiện.
5. Các trang thiết bị hỗ trợ khác: Máy ảnh, máy quay phim, dụng cụ đánh dấu vị trí...

Các dụng cụ đo phải được hiệu chỉnh, kiểm định theo quy định hiện hành trước khi sử dụng.

Chương II

TRÌNH TỰ LẬP HỒ SƠ, PHÂN TÍCH SỰ CỐ, TAI NẠN VÀ TỔ CHỨC CỨU NẠN, CỨU HỘ GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT

Điều 7. Hội đồng lập hồ sơ sự cố có tính chất nghiêm trọng, tai nạn

1. Chủ tịch Hội đồng: Trưởng Phân ban AN - ATGTĐS khu vực hoặc người được ủy quyền (lãnh đạo, chuyên viên Phân ban AN - ATGTĐS khu vực).

2. Thành viên tham gia:

a) Đại diện Phân ban QLKCHTĐS Khu vực;

b) Đại diện các đơn vị có liên quan: Chi nhánh KTĐS, Công ty CPĐS, Công ty CP VTĐS, Công ty CP TTTHĐS, Chi nhánh XNĐM, Chủ phương tiện (nếu có)...

Điều 8. Hồ sơ vụ sự cố thông thường và sự cố có tính chất nghiêm trọng

1. Hồ sơ sự cố thông thường

a) Biên bản sự cố giao thông đường sắt (mẫu số 2b);

b) Báo cáo của nhân viên đường sắt (mẫu số 3);

c) Biên bản, giấy tờ khác có liên quan: báo cáo vận chuyển, nhật ký đoàn tàu, cảnh báo, bản sao mệnh lệnh điều độ, giấy chứng nhận tác dụng hãm, biểu đồ tốc độ đầu máy, biểu đồ áp lực gió của thiết bị đuôi tàu...; các chứng cứ tại hiện trường: hình ảnh, âm thanh, dữ liệu camera, vật chứng, tang vật được thu giữ tại hiện trường...(nếu có).

2. Hồ sơ sự cố có tính chất nghiêm trọng

a) Biên bản sự cố giao thông đường sắt (mẫu số 2b);

b) Báo cáo của nhân viên đường sắt (mẫu số 3);

c) Biên bản, giấy tờ khác có liên quan: báo cáo vận chuyển, nhật ký đoàn tàu, cảnh báo, bản sao mệnh lệnh điều độ, giấy chứng nhận tác dụng hãm, biểu đồ tốc độ đầu máy, biểu đồ áp lực gió của thiết bị đuôi tàu...; các chứng cứ tại hiện trường: hình ảnh, âm thanh, dữ liệu camera, vật chứng, tang vật được thu giữ tại hiện trường...(nếu có).

d) Biên bản khám nghiệm hiện trường (mẫu số 7).

Điều 9. Hồ sơ vụ tai nạn

1. Hồ sơ ban đầu gồm:

a) Báo cáo vụ tai nạn giao thông đường sắt (mẫu số 1);

b) Biên bản vụ tai nạn (mẫu số 2);

- c) Sơ đồ hiện trường vụ tai nạn (mẫu số 6);
- d) Báo cáo của nhân viên đường sắt (mẫu số 3);
- đ) Báo cáo của người làm chứng (nếu có-mẫu số 4);
- e) Biên bản bàn giao (mẫu số 5);

2. Hồ sơ khám nghiệm (tai nạn do chủ quan) gồm:

- a) Biên bản khám nghiệm hiện trường (mẫu số 7);
- b) Biên bản khám nghiệm phương tiện GTĐS (mẫu số 8, 8a);
- c) Biên bản kiểm tra tốc độ đầu máy (mẫu số 9);
- d) Biên bản kiểm tra hàng hóa (mẫu số 10);
- đ) Biên bản công tác điều hành vận tải;
- e) Các chứng từ, ấn chỉ liên quan đến đoàn tàu;

g) Các chứng cứ gồm: hình ảnh, âm thanh (trích xuất từ hệ thống camera), ảnh chụp, video clip, âm thanh ghi được tại hiện trường, vật chứng, tang vật được thu giữ tại hiện trường... (nếu có).

Điều 10. Tiếp cận hiện trường

1. Chủ tịch Hội đồng chỉ đạo Giám đốc CNKTĐS căn cứ vị trí, địa điểm xảy ra sự cố, tai nạn phân công nhiệm vụ cho Trưởng ga (hoặc Trục ban chạy tàu) một trong hai ga đầu khu gian phụ trách công tác bảo vệ hiện trường; khi người chủ trì lập hồ sơ sự cố, tai nạn đến hiện trường thì bàn giao lại.

2. Hiện trường vụ sự cố, tai nạn phải được bảo vệ

a) Kết cấu hạ tầng:

- Cầu, đường sắt từ điểm đầu tiên bánh xe rơi xuống theo hướng tàu chạy 15m (đã bị phá hoại do hậu quả tai nạn) và về phía ngược lại hướng tàu chạy 300m (khu vực không bị phá hoại do hậu quả tai nạn); trường hợp đặc biệt do Chủ tịch Hội đồng quyết định phạm vi phù hợp;

- Về thông tin tín hiệu: Trạng thái biểu thị trên thiết bị đài không chế, màn hình điều khiển, đài điều khiển tại ga, tủ điều khiển đường ngang; trạng thái biểu thị của các tín hiệu liên quan; các thiết bị ghi dữ liệu của hệ thống thông tin tín hiệu liên quan đến sự cố, tai nạn.

b) Các chứng cứ liên quan đến sự cố, tai nạn;

c) Phương tiện giao thông đường sắt liên quan đến sự cố, tai nạn;

d) Hộp đen (bộ phận ghi tốc độ) của đầu máy chính kéo tàu bị tai nạn;

đ) Dữ liệu camera tại các phòng trục ban chạy tàu, nhà gác chắn, đầu máy...

3. Người chủ trì lập hồ sơ phải khẩn trương tiếp cận hiện trường, thực hiện các nội dung sau:

a) Xác định vị trí khởi điểm;

b) Xác định phương tiện đầu tiên bị sự cố, tai nạn GTĐS;

c) Thu thập các chứng cứ, vật chứng của cầu đường và phương tiện tại hiện trường có liên quan đến sự cố, tai nạn giao thông đường sắt;

d) Trực tiếp hoặc ủy quyền cho Chi nhánh KTĐS lập biên bản niêm phong thiết bị ghi tốc độ của đầu máy chính kéo tàu;

đ) Tổng hợp tình hình hiện trường, xác định các nội dung tổ chức khám nghiệm.

Điều 11. Khám nghiệm hiện trường

1. Biên bản khám nghiệm hiện trường (mẫu số 7).

2. Các bước thực hiện khám nghiệm như sau:

a) Khám nghiệm dấu vết tại hiện trường:

- Xác định dấu vết tại khởi điểm: điểm leo, điểm nhảy của bánh xe trên ray, điểm rơi, điểm tụt của bánh xe trên nền, lòng đường sắt (vết đập trên mặt tà vẹt, vết đập ở phụ kiện liên kết ...); vết leo của bánh xe trên ray (dấu vết cà, vết cọ xước trên ray, ở đầu lập lách); vết tụt, vết rơi của bánh xe trong lòng, nền đường sắt, phụ kiện liên kết...;

- Thu thập chứng cứ: thu giữ toàn bộ các chứng ngại vật, vật tư, thiết bị của cầu đường, trang thiết bị, phụ tùng của phương tiện giao thông đường sắt rơi trước và sau khởi điểm (xác định rõ vị trí, trạng thái bằng sơ đồ, hình ảnh...). Đặc biệt chú ý các trường hợp sau:

+ Trường hợp các chứng ngại vật trên đường sắt (phụ kiện nối giữ, tấm đan, đá...) hoặc thiết bị của phương tiện giao thông đường sắt rơi xuống đường có dấu hiệu va, cán thì phải khám nghiệm dấu vết trên chứng ngại vật, dấu vết trên ray, dấu vết trên phương tiện... và lập biên bản, thu giữ, bảo quản;

+ Trường hợp thu giữ được các thiết bị, phụ tùng của phương tiện giao thông đường sắt rơi xuống, phải xác định của phương tiện nào và vị trí, trạng thái liên kết.

- Đặc biệt chú ý khám nghiệm kỹ những dấu vết va chạm bất thường, vật chứng tại hiện trường và phải được mô tả chi tiết cụ thể ghi vào biên bản (sơ đồ, hình ảnh... để mô tả), đây là những chứng cứ rất quan trọng có thể xác định được ngay nguyên nhân hoặc để định hướng tìm nguyên nhân.

b) Xác định phương tiện giao thông đường sắt đầu tiên bị sự cố, tai nạn trong đoàn tàu:

- Trường hợp va cán chứng ngại vật thì căn cứ vật chứng và dấu vết để lại trên phương tiện xác định phương tiện đầu tiên liên quan đến sự cố, tai nạn;

- Trường hợp không va cán chứng ngại vật, từ dấu vết của gờ bánh xe xuống phụ kiện nối giữ, tà vẹt, nền đường; kết hợp dấu vết va đập, dấu vết để lại trên gờ bánh, mặt lăn bánh xe để xác định xe bị trật đầu tiên;

- Kiểm tra phương tiện giao thông đường sắt đầu tiên bị sự cố, tai nạn ngay tại hiện trường:

+ Xem xét các bộ phận, chi tiết của phương tiện về sự thiếu, mất, gãy hỏng;

+ Xác định, mô tả các dấu vết để lại trên các bộ phận, chi tiết. Đặc biệt chú ý những dấu vết có trước tai nạn.

c) Trường hợp sau khi thu thập, kiểm tra, xác định: các dấu vết, vật chứng về đường, phương tiện giao thông đường sắt; tác nghiệp của nhân viên làm công tác chạy tàu mà có bằng chứng rõ ràng xác định được nguyên nhân gây ra sự cố, tai nạn (do va cán chướng ngại trên đường, các chi tiết phương tiện giao thông đường sắt rơi hoặc chổng xuống ray, tà vẹt, hoặc do vi phạm quy trình tác nghiệp của các nhân viên làm công tác chạy tàu). Hội đồng tiến hành lập biên bản kết luận nguyên nhân, trách nhiệm tại hiện trường không cần tiến hành các bước tiếp theo;

d) Đối với các vụ tai nạn phương tiện giao thông đường sắt bánh xe tụt vào lòng đường (tụt một bánh vào khe hai ray, một bánh vẫn trên đường hoặc cả hai bánh xe tụt vào lòng đường) thì kiểm tra các nội dung sau để làm căn cứ xác định nguyên nhân:

- Về đường: cự ly ray (05 điểm đo), phụ kiện nối giữ của đường (trong phạm vi 15m) từ điểm tụt bánh xe (điểm rơi) về phía ngược lại hướng đoàn tàu;

- Về phương tiện: giang cách, chiều rộng mặt lắn, chiều dày gờ bánh xe của trục bánh bị tụt vào lòng đường;

- Về tốc độ phương tiện: đọc tốc độ của đầu máy chính kéo tàu trên thiết bị ghi, lưu tốc độ;

- Nếu phương tiện có chở hàng thì kiểm tra tổng trọng toa xe.

đ) Khám nghiệm cầu, đường: tiến hành khảo sát, đo đạc đường với chiều dài bằng chiều dài từ đầu máy đến phương tiện trật bánh, trường hợp cần thiết đo tối đa không quá chiều dài đoàn tàu, tính từ khởi điểm tai nạn trở về phía ngược lại hướng đoàn tàu chạy (phần đường đoàn tàu đã chạy qua không bị hư hỏng do tai nạn):

- Về cự ly, thủy bình: 03 mét đo 01 điểm, điểm số 01 là khởi điểm của sự cố, tai nạn (thủy bình, cự ly đo cùng một điểm), không nhất thiết phải đúng điểm đo kế hoạch của đơn vị quản lý;

- Về cao thấp và các thông số khác đo theo cách đo được quy định trong quy trình bảo trì KCHTĐS hiện hành;

- Về phương hướng đường cong:

+ Khởi điểm vụ tai nạn nằm trong cong tròn thì tiến hành kéo dây cung đo phương hướng đường cong, điểm đặt dây từ khởi điểm vụ tai nạn ngược lại hướng đoàn tàu chạy, đến đường cong nối (hoãn hòa) đo đúng điểm kế hoạch ghi trên ray;

+ Khởi điểm vụ tai nạn nằm trong đường cong nối thì đo tại điểm kế hoạch gần khởi điểm nhất ngược lại hướng của đoàn tàu chạy;

- Trường hợp tai nạn xảy ra trên đường mà trước khởi điểm (trong phạm vi khám nghiệm) có một hoặc nhiều bộ ghi thì phải tiến hành kiểm tra, đo đạc tuần tự

cả phần đường và ghi theo quy định (các điểm đo của ghi theo quy định kiểm tra ghi và chỉ đod hướng ghi mà đoàn tàu chạy qua) và phải ghi rõ trong biên bản khám nghiệm;

- Kiểm tra trạng thái treo của tà vẹt (đường có dấu hiệu phụt bùn, bột đá...) mà không có thiết bị chuyên dùng thì thực hiện theo các bước sau:

+ Tháo rời các bu lông suốt của thanh tà vẹt tại điểm cần phải kiểm tra để tà vẹt không còn liên kết với ray;

+ Cho đoàn tàu hoặc đầu máy chạy qua với vận tốc từ 10 - 15km/h ít nhất một lần;

+ Đo khoảng cách từ đế ray đến mặt trên của tà vẹt hoặc mặt trên của đệm cả hai ray để xác định độ treo của tà vẹt (đặc biệt chú ý những điểm gần với khởi điểm tai nạn và tùy thuộc vào trạng thái đường để đo các điểm cần thiết);

+ Sau đó từ điểm đo trạng thái treo của tà vẹt cách 03m về cả hai phía đo thủy bình ở trạng thái tĩnh và động để tính biến đổi về thủy bình.

- Trường hợp tai nạn xảy trên đường lồng (khổ đường 1435mm và khổ đường 1000mm), phải tổ chức đo đạc, lập hồ sơ tất cả các thông số của cả 02 khổ đường để lấy số liệu phục vụ phân tích;

Toàn bộ các số liệu được ghi chi tiết, chính xác vào biên bản khám nghiệm hiện trường.

e) Trường hợp sự cố, tai nạn xảy ra trên ghi:

- Khám nghiệm trạng thái làm việc của các thiết bị thông tin tín hiệu liên quan đến sự cố, tai nạn, gồm:

+ Hộp khóa điện ghi (đối với ghi hộp khóa điện);

+ Động cơ quay ghi bao gồm các liên kết truyền động và khóa động cơ;

+ Mạch điện đường ray;

+ Khe hở giữa lưỡi ghi và ray cơ bản, độ mở của lưỡi ghi, độ rơi của các bu lông bắt thanh giằng số 1 với lưỡi ghi;

+ Các ốc nổi và các thanh đạo quản, trụ quay và bàn gang của ghi.

- Các điểm đo của ghi chưa bị phá hoại và của phần đường phía trước khởi điểm trong phạm vi 50m;

- Thao tác của nhân viên gác ghi, trực ban chạy tàu ga.

g) Sổ ghi chép của Cung cầu, đường, thông tin tín hiệu gồm: sổ kiểm tra đường cong; sổ kiểm tra ghi; sổ phân công công tác hàng ngày của Cung trưởng; sổ kiểm tra Cung trưởng; sổ hoặc biên bản nghiệm thu tháng, quý; sổ mệnh lệnh; kết quả sửa chữa sau áp máy, sau kiểm tra, sổ kiểm tra thiết bị và các sổ sách khác liên quan đến vụ tai nạn (khi cần thiết).

Điều 12. Khám nghiệm phương tiện giao thông đường sắt

1. Đưa phương tiện giao thông đường sắt về địa điểm phù hợp để tổ chức khám nghiệm; kiểm tra các tiêu chuẩn kỹ thuật của phương tiện giao thông đường sắt; phương tiện khám nghiệm phải để trên đoạn đường bằng, thẳng.

2. Lập biên bản khám nghiệm phương tiện (mẫu số 08).

3. Các bước thực hiện khám nghiệm như sau:

a) Khi chưa giải thể thực hiện kiểm tra:

- Thời hạn sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ của phương tiện giao thông đường sắt;
- Bộ phận đầu đấm móc nối;
- Trạng thái của bàn trượt;
- Chiều cao của các tổ lò xo (trung ương, hộp trục) ở trạng thái có tải hoặc dưới tự trọng của phương tiện;
- Độ nghiêng lệch của xà nhún;
- Độ nghiêng lệch của thùng xe.

b) Giải thể phương tiện giao thông đường sắt thực hiện kiểm tra:

- Các chi tiết của bộ phận chạy (giá chuyển hướng), dấu vết va chạm trên bề thùng xe với bộ phận chạy trong quá trình vận hành; trạng thái khung giá chuyển hướng (cong vênh, vặn xoắn);

- Độ hở của xà nhún so với khung trượt xà nhún (theo hai chiều dọc xe và dọc trục);

- Các thông số kỹ thuật của đôi trục bánh xe;

- Các thông số kỹ thuật của hộp trục (bao gồm các kích thước của các chi tiết trong hộp trục kể cả các độ rơ, độ hở lắp ráp ...);

- Thông số kỹ thuật của còi chuyển hướng; ác, lỗ còi chuyển (đối với xe không có còi chuyển hướng);

- Trạng thái bàn trượt;

- Các thông số kỹ thuật của lò xo, xác định quy cách, chủng loại lò xo kể cả phương thức lắp ráp lò xo. Trường hợp cần thiết phải đưa lò xo vào kiểm tra bằng thiết bị chuyên dùng;

- Đối với giá chuyển hướng sử dụng lò xo đệm không khí: xác định trạng thái làm việc các van cấp, xả gió của đệm lò xo không khí (van LV3) bằng thiết bị chuyên dùng;

- Giảm chấn: tùy loại để đưa ra các phương pháp kiểm tra cho phù hợp.

Điều 13. Xác định tốc độ của phương tiện giao thông đường sắt bị nạn và áp lực gió đoàn xe

1. Tốc độ phương tiện bị tai nạn

a) Căn cứ tốc độ của đầu máy chính kéo tàu để xác định tốc độ của phương tiện;

- b) Trạng thái niêm phong hộp đen trên đầu máy trước khi lấy dữ liệu;
- c) Việc thực hiện tốc độ của lái tàu từ ga dừng (gần nhất) đến điểm dừng do sự cố, tai nạn;
- d) Tốc độ của đầu máy, phương tiện tại khởi điểm và tại thời điểm phát sinh hãm; Toàn bộ dữ liệu tốc độ đầu máy phải lập biên bản (mẫu số 09).

2. Kiểm tra áp lực gió đoàn xe: thông qua hệ thống dữ liệu trên thiết bị ghi tốc độ đầu máy hoặc thiết bị đuôi tàu để xác định thời gian và tác nghiệp thử hãm hoặc hãm đoàn tàu của ban lái tàu.

Điều 14. Kiểm tra tải trọng

Nội dung kiểm tra về hàng hóa phải lập biên bản (mẫu số 10) gồm:

- 1. Tổng trọng, chủng loại hàng hóa xếp trong toa xe;
- 2. Trạng thái, quy cách xếp, gia cố hàng hóa trên toa xe.

Điều 15. Kiểm tra công tác điều hành chạy tàu

- 1. Công tác điều hành của điều độ chạy tàu, các mệnh lệnh chạy tàu liên quan.
- 2. Tác nghiệp của các chức danh trực tiếp phục vụ chạy tàu.

Điều 16. Báo cáo của nhân viên đường sắt có liên quan

- 1. Trường hợp cần thiết yêu cầu nhân viên đường sắt có liên quan báo cáo.
- 2. Nội dung báo cáo phải làm rõ diễn biến, việc thực hiện các tác nghiệp trước, trong và sau khi xảy ra sự cố, tai nạn.

Điều 17. Thu thập dữ liệu phân tích công tác tổ chức cứu nạn, cứu hộ

- 1. Xác định thời gian báo tin sự cố, tai nạn tới Trung tâm ĐHVTTĐS.
- 2. Thời gian phát các mệnh lệnh tổ chức cứu nạn, cứu hộ từ Trung tâm ĐHVTTĐS đến các đơn vị liên quan; việc thực hiện của các đơn vị sau khi nhận mệnh lệnh.
- 3. Thời gian tổ chức lập, chạy tàu cứu nạn, cứu hộ.
- 4. Thời gian tác nghiệp cứu nạn, cứu hộ (cứu hộ phương tiện và sửa chữa cầu đường).
- 5. Công tác liên hiệp lao động trong quá trình tổ chức cứu hộ, khôi phục giao thông đường sắt.
- 6. Báo cáo của các cá nhân, đơn vị liên quan.

Điều 18. Thống kê thiệt hại vụ sự cố, tai nạn

- 1. Hội đồng giải quyết sự cố, tai nạn phải thống kê sơ bộ các hư hỏng về kết cấu hạ tầng đường sắt trước khi cho sửa chữa.
- 2. Chậm nhất 10 ngày làm việc tính từ ngày xảy ra sự cố, tai nạn, Chủ tịch Hội đồng giải quyết sự cố, tai nạn phải tập hợp thiệt hại sơ bộ gửi về Tổng công ty ĐSVN (qua Ban AN - ATGTĐS).

Điều 19. Thành lập Hội đồng phân tích sự cố, tai nạn

1. Sau khi kết thúc lập hồ sơ, Chủ tịch Hội đồng tổng hợp, báo cáo Ban AN-ATGTĐS để tham mưu Lãnh đạo Tổng công ty thành lập Hội đồng phân tích.

2. Hội đồng phân tích gồm:

a) Chủ tịch hội đồng: Trưởng Phân ban AN - ATGTĐS khu vực hoặc Trưởng Ban AN-ATGTĐS;

b) Thư ký hội đồng: Lãnh đạo Phân ban AN - ATGTĐS khu vực hoặc chuyên viên Phân ban AN - ATGTĐS khu vực;

c) Các thành viên Hội đồng phân tích: đại diện Ban AN - ATGTĐS và các Ban chuyên môn liên quan của Tổng công ty ĐSVN, lãnh đạo quản lý an toàn của Chi nhánh KTĐS (nếu cần);

d) Căn cứ vào tính chất của vụ tai nạn Tổng giám đốc sẽ mời đại diện Cục ĐSVN tham gia Hội đồng theo quy định.

3. Hội đồng phân tích có trách nhiệm nghiên cứu hồ sơ, tập hợp chứng cứ, xin ý kiến chuyên gia, họp trừ bị nếu cần; quyết định thời gian và chuẩn bị các nội dung liên quan để mở hội nghị phân tích.

Điều 20. Tổ chức phân tích sự cố, tai nạn

1. Họp trừ bị (nếu cần): trước khi mở hội nghị phân tích chính thức, Chủ tịch Hội đồng phân tích mời các thành viên trong hội đồng và có thể mời chuyên gia tham dự để thống nhất các nội dung.

2. Thành phần Hội nghị phân tích:

a) Hội đồng phân tích: được thành lập theo Điều 19 của Quy định này; trường hợp thành viên Hội đồng không có điều kiện để tham dự hội nghị, thì phải có ý kiến bằng văn bản về nội dung công việc mình phụ trách (có xác nhận của Trưởng ban) gửi Chủ tịch Hội đồng;

b) Các thành viên tham dự: đại diện các đơn vị, cá nhân liên quan đến sự cố, tai nạn.

3. Nội dung tổ chức phân tích

a) Đại diện đơn vị chủ trì đọc báo cáo tóm tắt về vụ tai nạn, thiệt hại về người và vật chất, kết quả (nêu rõ các bằng chứng, các số liệu sai phạm của các yếu tố liên quan), đề xuất nguyên nhân vụ tai nạn;

Khi tổ chức phân tích, Hội đồng phân tích có thể sử dụng dữ liệu đo đạc của máy EM120 (trong trường hợp máy EM120 vừa đo đoạn đường xảy ra tai nạn trước đó không quá 24 giờ) kết hợp với kết quả khám nghiệm để phân tích.

b) Các thành viên tham dự căn cứ báo cáo để tham gia phát biểu và khi phát biểu phải nêu rõ ràng, cụ thể quan điểm của mình về nguyên nhân dẫn đến tai nạn;

c) Sau khi nghe và thống nhất với ý kiến của các thành viên, người chủ trì kết luận:

- Nguyên nhân gây sự cố, tai nạn;

- Trách nhiệm của các đơn vị có liên quan đến vụ tai nạn;
 - Đánh giá quá trình (chuỗi thời gian) tổ chức cứu chữa sự cố, tai nạn. Trách nhiệm của các tổ chức cá nhân trong công tác tổ chức cứu chữa sự cố, tai nạn;
 - Đề xuất các biện pháp khắc phục trước mắt, lâu dài và giải pháp phòng ngừa, nhằm ngăn chặn xảy ra sự cố, tai nạn GTĐS tương tự.
- d) Lập biên bản họp phân tích để làm căn cứ thông báo kết quả phân tích, các thành viên trong Hội đồng phân tích đều phải ký vào biên bản.

4. Quy định về thời gian tổ chức phân tích

Trong thời gian không quá 20 ngày kể từ ngày xảy ra tai nạn phải tiến hành tổ chức họp phân tích (trừ trường hợp đặc biệt).

Điều 21. Kết luận nguyên nhân, quy trách nhiệm

Chủ tịch Hội đồng phân tích kết luận:

1. Nguyên nhân vụ sự cố, tai nạn

a) Căn cứ vào kết quả lập hồ sơ các yếu tố có sai phạm so với quy chuẩn, tiêu chuẩn cơ sở, quy trình, quy định hiện hành của từng đối tượng liên quan đến sự cố, tai nạn;

b) Căn cứ vào các ý kiến phân tích của các thành viên trong hội đồng;

c) Căn cứ tài liệu, giải trình của các cá nhân tổ chức liên quan đến sự cố, tai nạn.

2. Quy trách nhiệm của vụ sự cố, tai nạn

a) Trường hợp nguyên nhân vụ sự cố, tai nạn do một đối tượng gây ra thì quy trách nhiệm cho đối tượng đó;

b) Trường hợp nguyên nhân vụ sự cố, tai nạn do sai phạm của nhiều đối tượng thì Chủ tịch hội đồng căn cứ vào mức độ sai phạm của từng đối tượng để quy trách nhiệm cho từng đối tượng tham gia;

c) Hội nghị phân tích chỉ quy trách nhiệm đến đơn vị quản lý sử dụng lao động; đơn vị sử dụng tài sản; đơn vị quản lý tài sản, thiết bị hoặc chủ phương tiện gây ra sự cố, tai nạn.

Điều 22. Thông báo kết quả phân tích

1. Sau khi tổ chức họp phân tích, Chủ tịch Hội đồng phân tích có trách nhiệm gửi toàn bộ hồ sơ vụ sự cố, tai nạn về Ban AN-ATGTĐS (bản sao có chứng thực của đơn vị chủ trì, phân tích). Căn cứ kết quả hội nghị phân tích Ban AN-ATGTĐS ban hành thông báo kết luận theo những nội dung sau:

a) Tóm tắt vụ sự cố, tai nạn;

b) Thiệt hại vụ sự cố, tai nạn;

c) Tóm tắt nội dung công tác tổ chức cứu hộ;

d) Phân tích nguyên nhân vụ tai nạn, thiệt hại về người và vật chất do vụ tai nạn gây ra;

đ) Kết luận vụ tai nạn:

- Nguyên nhân gây tai nạn (nguyên nhân chính, liên đới); Trách nhiệm của các đơn vị (kể cả bồi hoàn về kinh tế);

- Công tác tổ chức giải quyết tai nạn (tổ chức điều hành thực hiện cứu nạn, cứu hộ và công tác trực tiếp thực hiện việc cứu nạn, cứu hộ); rút kinh nghiệm các tồn tại, đề ra các biện pháp khắc phục.

e) Đề xuất các biện pháp ngăn ngừa tai nạn (nếu có).

2. Nơi gửi thông báo:

a) Lãnh đạo Tổng công ty ĐSVN;

b) Các Ban chuyên môn của Tổng công ty ĐSVN;

c) Các đơn vị có liên quan đến vụ tai nạn để thực hiện;

d) Các đơn vị khác liên quan trong Tổng công ty ĐSVN để biết và rút kinh nghiệm.

Điều 23. Khiếu nại và giải quyết khiếu nại

1. Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày phát hành thông báo kết luận, nếu có khiếu nại các đơn vị gửi văn bản về Tổng công ty ĐSVN (qua Ban AN - ATGTĐS) để giải quyết.

2. Tổng công ty ĐSVN sẽ có văn bản trả lời trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản khiếu nại.

Điều 24. Lưu trữ và sử dụng hồ sơ sự cố, tai nạn

1. Đơn vị thụ lý hồ sơ có trách nhiệm lưu giữ bản gốc; bản sao lưu tại Ban AN-ATGTĐS.

2. Khi các cơ quan chức năng, các đơn vị liên quan có nhu cầu sử dụng hồ sơ thì đơn vị quản lý hồ sơ gốc có trách nhiệm cung cấp hồ sơ (bản sao), ghi vào biên bản bàn giao và lưu giữ tại đơn vị.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 25. Hiệu lực thi hành và triển khai thực hiện

1. Thủ trưởng các đơn vị liên quan có trách nhiệm triển khai cụ thể các nội dung phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị; tổ chức phổ biến, hướng dẫn các đơn vị trực thuộc, các tổ chức, cá nhân thi hành Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh nội dung chưa phù hợp, các đơn vị tổng hợp ý kiến, gửi về Tổng công ty ĐSVN (qua Ban AN-ATGTĐS) để xem xét, điều chỉnh, sửa đổi./.

PHỤ LỤC

Các mẫu biên bản, báo cáo, sơ đồ sự cố, tai nạn giao thông đường sắt
(Ban hành kèm quyết định số /QĐ-ĐS ngày tháng năm 2018
của Tổng giám đốc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam)

Mẫu số 1 – Báo cáo tai nạn giao thông đường sắt

TÊN ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
TÊN ĐƠN VỊ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO TAI NẠN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT

1. Họ tên:..... chức vụ:.....

Đơn vị công tác:.....

2. Vụ việc xảy ra vào hồi:.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm.....

3. Địa điểm xảy ra tai nạn:

Tại km (ga): khu gian:....., tuyến:.....

Thuộc: Xã (P)..... Tỉnh (TP).....

4. Mác tàu:....., đầu máy:....., kéo.....(xe/tấn):..... Tình hình thời tiết:.....

5. Họ tên, chức danh của những người liên quan:

- Trưởng tàu:.....

- Lái tàu:..... Phụ lái tàu:.....

- Trục ban chạy tàu:..... Trưởng ga:.....

- Áp tải kỹ thuật:.....

6. Khái quát tình hình, nguyên nhân tai nạn:

.....

7. Biện pháp đã giải quyết, xử lý:

.....

8. Sơ bộ đánh giá thiệt hại về vật chất:

.....

9. Thiệt hại về người:

- Họ tên:....., tuổi; nam hay nữ, nghề nghiệp:.....

- Địa chỉ:....., số CCCD (hoặc hộ chiếu):.....

- Số vé đi tàu của nạn nhân, ga đi, ga đến, số toa hành khách bị nạn (nếu có).

.....

- Tình trạng thương tích của nạn nhân:

.....

- Tư trạng hành lý của nạn nhân:

.....

- Thân nhân của nạn nhân (họ tên, nơi ở, số điện thoại...);

.....

- Cách giải quyết của người có trách nhiệm.

.....

- Họ, tên, chức vụ người ở lại trông coi thi thể nạn nhân.

.....

10. Kết luận sơ bộ (trách nhiệm thuộc ai):

.....

.....,ngày....tháng....năm....

Người báo cáo
 (ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 1b – Báo cáo sự cố giao thông đường sắt

TÊN ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
TÊN ĐƠN VỊ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO SỰ CỐ GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT

1. Họ tên:..... chức vụ:.....

Đơn vị công tác:.....

2. Vụ việc xảy ra vào hồi:.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm.....

3. Địa điểm xảy ra sự cố:

Tại km (ga):khu gian:....., tuyến:.....

Thuộc: Xã (P).....Tỉnh (TP).....

4. Mác tàu:....., đầu máy:....., kéo.....(xe/tấn):.....Tình hình thời tiết:.....

5. Họ tên, chức danh của những người liên quan:

- Trưởng tàu:.....

- Lái tàu:..... Phụ lái tàu:.....

- Trục ban chạy tàu:..... Trưởng ga:.....

- Áp tải kỹ thuật:.....

.....

6. Khái quát tình hình, nguyên nhân của sự cố:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

7. Biện pháp đã giải quyết, xử lý:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

8. Thống kê sơ bộ thiệt hại: (đầu máy, toa xe, cầu đường, ghi, giờ ách tắc giao thông, số tàu chậm, số tàu chuyển tải hoặc bãi bỏ...):

.....
.....
.....

9. Kết luận sơ bộ (trách nhiệm thuộc ai):

.....
.....
.....
.....

.....,ngày....tháng....năm....

Người báo cáo
(ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Phần nào không có thì không viết.

Mẫu số 2 - Biên bản vụ tai nạn giao thông đường sắt

TÊN ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
TÊN ĐƠN VỊ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN VỤ TAI NẠN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT

1. Tên vụ tai nạn:.....
2. Vụ việc xảy ra vào hồi:.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm 20.....
3. Địa điểm xảy ra tai nạn:
 Tại km (ga):khu gian:....., tuyến:.....
 Thuộc: Xã (P).....Tỉnh (TP).....
4. Mác tàu:....., đầu máy:....., kéo.....(xe/tấn):.....Tình hình thời tiết:.....
5. Thành phần tham gia (ghi rõ họ tên, chức vụ, đơn vị) đã đến tận nơi xảy tai nạn tiến hành xem xét hiện trường, ghi lại kết quả.

.....

6. Tình hình khái quát tai nạn: (vẽ sơ đồ hiện trường)

.....

7. Tang vật, dấu vết và số liệu đo đạc, di chuyển các thiết bị của đầu máy, toa xe, đường, ghi, trang thiết bị, hàng hóa

.....

8. Dấu vết liên quan đến con người, vị trí đã di chuyển, xê dịch:

.....

9. Thống kê sơ bộ thiệt hại: (đầu máy, toa xe, cầu đường, ghi, giờ ách tắc giao thông, số tàu chậm, số tàu chuyển tải hoặc bãi bỏ, số người chết, bị thương...).

.....

.....

.....

Các thành phần tham gia

Người lập biên bản
(ký và ghi rõ họ tên)

- 1).....
- 2).....
- 3).....
- 4).....
- 5).....
- 6).....

Mẫu số 2b – Biên bản sự cố giao thông đường sắt

TÊN ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
TÊN ĐƠN VỊ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN SỰ CỐ GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT

1. Họ tên:..... chức vụ:.....

Đơn vị công tác:.....

2. Vụ việc xảy ra vào hồi:.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm.....

3. Địa điểm xảy ra sự cố:

Tại km (ga):khu gian:....., tuyến:.....

Thuộc: Xã (P).....Tỉnh (TP).....

4. Mác tàu:....., đầu máy:....., kéo.....(xe/tấn):.....Tình hình thời tiết:.....

5. Họ tên, chức danh của những người liên quan:

- Trưởng tàu:.....

- Lái tàu:..... Phụ lái tàu:.....

- Trục ban chạy tàu:..... Trưởng ga:.....

- Áp tải kỹ thuật:.....

6. Khái quát tình hình, nguyên nhân của sự cố:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

7. Biện pháp đã giải quyết, xử lý:

.....
.....
.....
.....
.....
.....

8. Thống kê sơ bộ thiệt hại: (đầu máy, toa xe, cầu đường, ghi, giờ ách tắc giao thông, số tàu chậm, số tàu chuyển tải hoặc bãi bỏ...):

.....
.....
.....

9. Kết luận sơ bộ (trách nhiệm thuộc ai):

.....
.....
.....
.....

.....,ngày.....tháng.....năm.....

Người báo cáo

(ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Phần nào không có thì không viết.

**Mẫu số 3 – Báo cáo của nhân viên đường
sắt**

1. Họ tên:.....chức vụ:.....
Đơn vị công tác:.....

3. Địa điểm xảy ra sự cố, tai nạn:

Tại km (ga): khu gian:....., tuyến:.....

Thuộc: Xã (P)..... Tỉnh (TP).....

Mác tàu:....., đầu máy:....., kéo.....(xe/tấn):.....Tình hình thời tiết:.....

4. Khái quát tình hình vụ việc:

[illegible]

....,ngày....tháng....năm....

Người báo cáo
(ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

1. Họ và tên:.....
 Địa chỉ:.....
 Số CMT hoặc thẻ căn cước công dân:.....
 2. Vụ tai nạn xảy ra lúc.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm..., tại km
 Thuộc: Xã (P).....Tỉnh (TP).....
 3. Thời tiết lúc xảy ra tai nạn:.....
 4. Khái quát tình hình vụ việc:.....

[illegible]

....., Ngày...tháng... năm...

Người báo cáo
(ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 5 - Biên bản bàn giao

TÊN ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
TÊN ĐƠN VỊ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN BÀN GIAO

Vào hồi.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm 20...

Tại (địa điểm bàn giao):

Cùng thống nhất lập biên bản bàn giao về người, tài sản và các giấy tờ có liên quan trong vụ tai nạn giao thông đường sắt, xảy ra lúc.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm 20.....; tại km..... khu gian.....

Thuộc xã (P)..... Tỉnh (TP).....

Bao gồm những nội dung sau:

1. Bên giao:

- Họ và tên:..... Chức vụ:.....

- Đơn vị công tác:

2. Bên nhận:

- Họ và tên:..... Chức vụ:.....

- Đơn vị công tác:

3. Nội dung bàn giao:

- Về người (trường hợp có giấy tờ tùy thân thì ghi rõ họ tên nạn nhân, địa chỉ, tình trạng thương tích; trường hợp không có giấy tờ tùy thân thì không cần ghi):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

- Giới tính nạn nhân:

- Tài sản, giấy tờ của nạn nhân (nếu có):

.....
.....
.....
.....
.....

Biên bản lập xong lúc...giờ...phút, được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, đã đọc cho các bên liên quan nghe, công nhận đúng và cùng nhau ký tên dưới đây.

BÊN NHẬN

(ký và ghi rõ họ tên)

BÊN GIAO

(ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 6 - Sơ đồ vụ tai nạn

TÊN ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
TÊN ĐƠN VỊ

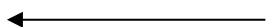
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ ĐỒ HIỆN TRƯỜNG VỤ SỰ CỐ, TAI NẠN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT

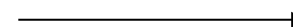
- Thời gian xảy ra sự cố/tai nạn:.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm..... Thời tiết:.....
- Mác tàu:..... Hướng chạy của đoàn tàu (*trước khi xảy ra tai nạn/sự cố*):.....
- Số hiệu đầu máy kéo (*Ghi rõ loại đầu máy, số đăng ký đầu máy, số lượng đầu máy*):.....
- Thành phần và tổng trọng đoàn tàu (hàng, khách):.....xe/tấn. Số lượng hành khách, nhân viên ĐS:.....

SƠ HOẠ HIỆN TRƯỜNG VỤ TAI NẠN

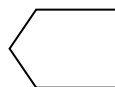
Ga:.....



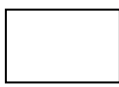
Ga:.....



(Sơ họa hiện trường nơi xảy ra tai nạn)



Đầu máy



Toa xe



Vị trí nạn nhân



Phương tiện,
chướng ngại



Súc vật

NGƯỜI VẼ SƠ ĐỒ
(ký ghi rõ họ tên)

Mẫu số 7 - Biên bản khám nghiệm hiện trường

TÊN ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN KHÁM NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG

Tên vụ tai nạn:

Xảy ra hồi.....giờ phút, ngày.....tháng.....năm.....

Tại Km Khu gian

Tuyến đường sắt:

Hôm nay hồi.....giờ.....phút, ngày tháng năm

Chúng tôi gồm:

1. Ông:..... Chức vụ Đơn vị

2. Ông:..... Chức vụ Đơn vị

3. Ông:..... Chức vụ Đơn vị

4. Ông:..... Chức vụ Đơn vị

5. Ông:..... Chức vụ Đơn vị

6. Ông:..... Chức vụ Đơn vị

7. Ông:..... Chức vụ Đơn vị

I. KHÁI QUÁT VỤ VIỆC: (Ghi thứ tự: Số hiệu tàu, số hiệu đầu máy, số lượng toa xe, tổng trọng đoàn tàu, họ và tên người, đơn vị liên quan, kế hoạch chạy tàu, sơ bộ nội dung vụ việc xảy ra, và tình hình thời tiết):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

II. DẤU VẾT HIỆN TRƯỜNG VÀ SỐ LIỆU KHÁM NGHIỆM:

1. Phần dấu vết hiện trường: (Mô tả cụ thể dấu vết hiện trường và vẽ sơ đồ kèm theo)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Phần đầu máy: (Khám sơ bộ chủ yếu kiểm tra, ghi chép số hiệu đầu máy, sự thiếu, đủ, kéo, cán miết của thiết bị đầu máy có liên quan đến vụ việc):

.....

.....

.....

.....

3. Phần toa xe: (Khám sơ bộ chủ yếu kiểm tra, ghi chép số hiệu toa xe thông số tải trọng, đất sửa chữa định kỳ, sự thiếu, đủ, kéo, cán miết của thiết bị toa xe có liên quan đến vụ việc):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

[illegible]

S TT	Cự ly		Thủy bình		Ghi chú	S TT	Cự ly		Thủy bình		Ghi chú
	TK	TT	TK	TT			TK	TT	TK	TT	
01						51					
02						52					
03						53					
04						54					
05						55					
06						56					
07						57					
08						58					
09						59					
10						60					
11						61					
12						62					
13						63					
14						64					
15						65					
16						66					
17						67					
18						68					
19						69					
20						70					

21						71					
22						72					
23						73					
24						74					
25						75					
26						76					
27						77					
28						78					
29						79					
30						80					
31						81					
32						82					
33						83					
34						84					
35						85					
36						86					
37						87					
38						88					
39						89					
40						90					
41						91					
42						92					
43						93					
44						94					
45						95					
46						96					
47						97					
48						98					
49						99					
50						100					

- Thông số kỹ thuật đường cong: (R=.....m; Hướng rẽ;.....; NĐ.....; TĐ:.....; NC.....; TC.....)

+ Sử dụng dây cung.....m, đo các đường tên (f) cách nhau.....m.

Cho kết quả như sau:

Đ. Tên (f)	Thông số		Đ. Tên (f)	Thông số		Đ. Tên (f)	Thông số	
	T. Kế	T. Tế		T. Kế	T. Tế		T. Kế	T. Tế

III. THÔNG KÊ SƠ BỘ THIẾT HẠ:

1. Phần đầu máy:

.....

2. Phần toa xe:

.....

.....

.....

3. Phần cầu đường và thông tin tín hiệu:

.....

4. Phần vận tải: (Giờ bế tắc giao thông, số tàu chậm, chuyển tải, bãi bỏ, số người chết, bị thương...)

.....
 **IV. KẾT LUẬN SƠ BỘ:**
 (Nguyên nhân và trách nhiệm)

.....
 Biên bản lập xong lúcgiờ.....phút, ngàytháng
 năm đã đọc lại cho Hội đồng cùng nghe, công nhận đúng và thống nhất ký tên.

Thành phần tham gia:
 (ký và ghi rõ họ tên)

Người chủ trì lập
 (ký và ghi rõ họ tên)

1/
 2/
 3/
 4/
 5/
 6/
 7/

Mẫu số 8 - Biên bản khám nghiệm phương tiện giao thông đường sắt

TÊN ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
TÊN ĐƠN VỊ:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**BIÊN BẢN KHÁM NGHIỆM PHƯƠNG TIỆN
GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT**

Tai nạn tại Km Khu gian:

Tuyến đường sắt:

Xảy ra hồi.....giờphút, ngày.....tháng.....năm.....

Hôm nay, hồi.....giờ.....phút, ngày tháng năm

Chúng tôi gồm:

1. Ông:..... Chức vụ: Đơn vị:

2. Ông:..... Chức vụ: Đơn vị:

3. Ông:..... Chức vụ: Đơn vị:

4. Ông:..... Chức vụ: Đơn vị:

5. Ông:..... Chức vụ: Đơn vị:

6. Ông:..... Chức vụ: Đơn vị:

7. Ông:..... Chức vụ: Đơn vị:

8. Ông:..... Chức vụ: Đơn vị:

Đã tiến hành khám nghiệm kỹ thuật toa xe tại:.....

I/ CỤ THỂ SỐ LIỆU NHƯ SAU (các số đo đơn vị tính bằng mm):

1. Date sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ:

- Toa xe số:.....SCL:.....SCN:.....

- KH:.....KM:.....BM (LD):.....

2. Bộ phận đầu đâm móc nối:

TT	Nội dung khám nghiệm	Đầu số 1	Đầu số 2
1	Độ hở trên mặt cổ móc với mặt dưới khung bệ xung kích		
2	Tổng độ hở hai bên cổ móc với thành khung bệ xung kích		
3	Tình trạng hoạt động của móc nối		

3. Khám nghiệm bàn trượt:

- Loại bàn trượt: ☐ Có độ hở ☐ Chịu lực

- Bề mặt làm việc các bàn trượt:.....

.....

.....

.....

.....

3.1. Loại có độ hở:

- Độ hở phía hộp trục (1-3):..... Độ hở phía hộp trục (2-4):.....

- Độ hở phía hộp trục (5-7):..... Độ hở phía hộp trục (6-8):.....

3.2. Loại bàn lực chịu lực: Đường kính chòm cầu: Chiều cao chòm cầu:

4. Khám nghiệm lò xo ở trạng thái hạ xe (đo chiều cao lò xo-có tải hoặc không tải):

4.1. Lò xo trung ương: (Đối với toa xe hàng - đo chiều cao tổ lò xo trung ương; Đối với toa xe khách - đo độ hở mặt trên xà nhún với mặt dưới của khung giá chuyển).

- Đo không giải thể:

Chiều cao tổ lò xo TW hoặc	Đầu xà nhún phía hộp trục (1-3)	Đầu xà nhún phía hộp trục (2-4)	Đầu xà nhún phía hộp trục (5-7)	Đầu xà nhún phía hộp trục (6-8)
----------------------------	---------------------------------	---------------------------------	---------------------------------	---------------------------------

độ hở mặt trên xà nhún với khung giá (mm)				
--	--	--	--	--

- Đo giải thể:

Vị trí của lò xo	Lò xo ngoài			Lò xo ruột		
	Cao	Dn	Dd	Cao	Dn	Dd
Lò xo 1N						
Lò xo 1T						
Lò xo 3N						
Lò xo 3T						
Lò xo G (1-3)						
Lò xo 2N						
Lò xo 2T						
Lò xo 4N						
Lò xo 4T						
Lò xo G (2-4)						
Lò xo 5N						
Lò xo 5T						
Lò xo 7N						
Lò xo 7T						
Lò xo G (5-7)						
Lò xo 6N						
Lò xo 6T						
Lò xo 8N						
Lò xo 8T						
Lò xo G (6-8)						

- Tình trạng các lò xo, dấu vết:

.....

4.2. Lò xo hộp trục (đo chiều cao lò xo – đơn vị tính mm):

- Đo không giải thể:

Vị trí hộp trục	Số 1	Số 2	Số 3	Số 4	Số 5	Số 6	Số 7	Số 8
Phía trái (T)								
Phía phải (P)								

- Đo giải thể:

Vị trí hộp trục	Số 1		Số 2		Số 3		Số 4		Số 5		Số 6		Số 7		Số 8	
	T	P	T	P	T	P	T	P	T	P	T	P	T	P	T	P
Cao																
Dn																
Dd																

- Tình trạng các lò xo, dấu vết:

.....

5. Kiểm tra độ hở lắp ráp của hộp trục với khung giá (rãnh trượt hộp trục):

Vị trí hộp trục	Tổng độ hở theo chiều dọc xe (mm)	Tổng độ hở theo chiều dọc trục(mm)
Hộp trục số 1		
Hộp trục số 2		

Hộp trục số 3		
Hộp trục số 4		
Vị trí hộp trục	Tổng độ hở theo chiều dọc xe (mm)	Tổng độ hở theo chiều dọc trục(mm)
Hộp trục số 5		
Hộp trục số 6		
Hộp trục số 7		
Hộp trục số 8		

6. Kiểm tra độ hở lắp ráp đệm trung gian (adapter) với khung giá, đệm trung gian với ca bi hoặc độ hở lắp ráp giữa cút xi nê với hộp trục, cút xi nê với cổ trục (mm):

Thứ tự hộp trục	Tổng độ hở giữa đệm trung gian với mang trượt má giá (tổng độ hở giữa cút xi nê với hộp trục)		Tổng độ hở lắp ráp giữa Adapter với cabi (cút xi nê với cổ trục)		
	Dọc trục	Dọc xe	Dài cabi (dài cổ trục)	Dọc trong A (dài cút xi nê)	Độ hở lắp ráp
Hộp trục số 1					
Hộp trục số 2					
Hộp trục số 3					
Hộp trục số 4					
Hộp trục số 5					
Hộp trục số 6					
Hộp trục số 7					
Hộp trục số 8					

Tình trạng hộp dầu, hộp trục, đệm trung gian, cút xi nê:

.....

.....

.....

.....

.....

7. Độ hở xà nhún với khung trượt xà nhún (mm):

Vị trí theo hộp trục	Tổng độ hở theo chiều dọc xe	Tổng độ hở theo chiều dọc trục
Đầu xà nhún phía hộp trục 1-3		
Đầu xà nhún phía hộp trục 2-4		
Đầu xà nhún phía hộp trục 5-7		
Đầu xà nhún phía hộp trục 6-8		

Tình hình xà nhún, tôn chống mòn:.....

.....

.....

.....

8. Thông số bộ trục bánh xe:

8.1. Khoảng cách 2 mặt trong đai hoặc vành bánh xe:

Vị trí đo	Trục số 1	Trục số 2	Trục số 3	Trục số 4
Điểm số 1				
Điểm số 2				
Điểm số 3				

Kiểm tra dấu vết sơn xê dịch giữa bánh xe và trục xe:

.....

.....

.....

8.2. Các thông số kỹ thuật của bánh xe:

Thứ tự bánh xe	Cao gờ	Dày gờ	Dày đai (vành)	Rộng đai (vành)	Đường kính b.xe
Bánh xe số 1					
Bánh xe số 2					
Bánh xe số 3					
Bánh xe số 4					
Bánh xe số 5					
Bánh xe số 6					
Bánh xe số 7					
Bánh xe số 8					

9. Cối chuyển hướng:

Vị trí cối chuyển	Đường kính		Dày	Cao (sâu)	Đường kính lỗ ốc		Đường kính ốc
	Dọc xe	Dọc trục			Dọc xe	Dọc trục	
Cối số 1 dưới							
Cối số 1 trên							
Cối số 2 dưới							
Cối số 2 trên							

Tình trạng cối chuyển, ốc cối:.....

.....

.....

.....

.....

10. Kiểm tra trang trí hãm giá chuyển (đủ, thiếu, hư hỏng, nguyên nhân):

.....

.....

.....

.....

11. Khám nghiệm thùng bộ:

11.1 Kiểm tra độ cong võng:.....

.....

.....

11.2. Kiểm tra xác định các chi tiết buồng thông trên thùng bộ xe:.....

.....

.....

.....

11.3. Kiểm tra xác định các dấu vết của thùng bộ xe và của bộ phận chạy:.....

.....

.....

.....

12. Khám nghiệm khung giá chuyển:

12.1. Xác định độ cong vênh:.....

.....

.....

.....

12.2. Khoảng cách an toàn của các chi tiết của bộ phận chạy so với mặt ray:

.....

.....

.....

18. Các vấn đề khác (thiết bị hư hỏng do hậu quả hoặc do chất lượng):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

II/ KẾT LUẬN:

.....

.....

.....

.....

Biên bản lập xong lúc giờ phút, ngày tháng năm đã đọc cho mọi người cùng nghe và đồng ý ký tên./.

Thành phần tham gia:

(ký và ghi rõ họ tên)

- 1/
- 2/
- 3/
- 4/
- 5/

..... Ngày tháng năm

Người chủ trì biên bản

(ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 8a. Biên bản kiểm tra van điều chỉnh lò xo không khí

TÊN ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
TÊN ĐƠN VỊ:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**BIÊN BẢN KIỂM TRA VAN ĐIỀU CHỈNH ĐỘ CAO LV-3
VÀ VAN CHÊNH ÁP DP-3**

Hôm nay, vào lúc giờ phút, ngày tháng năm

Chúng tôi gồm:

1. Ông: Chức vụ: Đơn vị:
 2. Ông: Chức vụ: Đơn vị:
 3. Ông: Chức vụ: Đơn vị:
 4. Ông: Chức vụ: Đơn vị:
 5. Ông: Chức vụ: Đơn vị:

Cùng nhau kiểm tra van điều chỉnh độ cao LV-3 và van chênh áp DP-3 của toa xe số:

..... bị tai nạn ngày tháng năm Tại Km..... khu gian:

.....

Kết quả như sau:

1/ Van điều chỉnh độ cao LV-3:

STT	Số hiệu van	h1 chiều cao bắt đầu cấp (mm)	h2 chiều cao bắt đầu xả (mm)	$\Delta h = h1 + h2$ (mm)	t1 thời gian bắt đầu cấp (s)	t2 thời gian bắt đầu xả (s)	t3 thời gian tăng áp suất từ 0÷2at (s)	t4 thời gian giảm áp suất từ 5÷3at (s)	Kết luận
01									
02									
03									
04									

2/ Van chênh áp DP-3:

STT	Số hiệu van	Kết quả thử nghiệm lần 1	Kết quả thử nghiệm lần 2	Kết quả thử nghiệm lần 3	Kết luận
01					
02					

Các thành phần tham gia
(ký và ghi rõ họ tên)

1/

2/

Người chủ trì
(ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 9 - Biên bản kiểm tra tốc độ phương tiện giao thông đường sắt

TÊN ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN ĐỌC BẢNG TỐC ĐỘ

Đầu máy: kéo tàu bị tai nạn

..... Tại Km khu
gian:

Tuyến đường sắt:

Hôm nay hồi giờ phút, ngày tháng năm

Tại:

Chúng tôi gồm:

1. Ông: Chức vụ: Đơn vị: chủ trì

2. Ông: Chức vụ: Đơn vị:

3. Ông: Chức vụ: Đơn vị:

4. Ông: Chức vụ: Đơn vị:

5. Ông: Chức vụ: Đơn vị:

Tiến hành đọc bảng ghi tốc độ máy kéo tàu

bị tai nạn

tại Km khu gian

ngày tháng năm

Gồm những nội dung sau:

- Đồng hồ tốc độ còn nguyên niêm phong do cơ quan niêm phong tại
ga: (hoặc biên bản thu giữ băng riêng).

- Hội đồng tiến hành kiểm tra: trên băng có chữ ký đại diện:

1/ Kiểm tra niêm phong:

(Trước khi lấy băng ghi tốc độ kiểm tra phải tiến hành kiểm tra niêm phong đồng hồ tốc độ do cơ quan niêm phong tại hiện trường vụ tai nạn. Trường hợp băng ghi tốc độ đã được lấy ra tại hiện trường cũng phải được niêm phong lại, trước khi đọc băng niêm phong phải còn nguyên vẹn).

2/ Đọc băng:

Hành trình đoàn tàu xuất phát tại ga:

..... đến Km (địa điểm tai
nạn). Tốc độ của đoàn tàu thể hiện trên băng đúng với tốc độ cho phép trong công lệnh tốc độ

Tốc độ cao nhất trước thời điểm tai nạn tại Km thể hiện trên băng là:

Các điểm đoàn tàu dừng thể hiện trên băng cơ báo.

3/ Kết luận:

.....

.....
.....
Biên bản lập xong lúc giờ phút, ngày tháng năm đã đọc cho mọi người cùng nghe và thống nhất ký tên./.

Thành phần tham gia:
(ký và ghi rõ họ tên)

- 1/
- 2/
- 3/
- 4/
- 5/

Người chủ trì lập
(ký và ghi rõ họ tên)

Kết luận:

Biên bản được lập xong lúcgiờngàytháng.....năm 200...

Đã được đọc lại cho những người có tên trên cùng nghe, xác nhận đúng và cùng ký tên.

Thành phần tham gia:
(ký và ghi rõ họ tên)

Người chủ trì lập
(ký và ghi rõ họ tên)

- 1/
- 2/
- 3/
- 4/
- 5/.....